

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai phân bổ kinh phí để sửa chữa, khắc phục thiệt hại do bão số 3 (Yagi) gây ra; Phân bổ kinh phí do nâng lương thường xuyên và nâng phụ cấp thâm niên nhà giáo đợt 3 năm 2024 của Trường THCS Hà An

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS HÀ AN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc Sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 891/QĐ-PGDĐT ngày 27/12/2024 của phòng GD&ĐT thị xã Quảng Yên về việc phân bổ kinh phí để sửa chữa, khắc phục thiệt hại do bão số 3 (Yagi) gây ra;

Căn cứ Quyết định số 909/QĐ-PGDĐT ngày 30/12/2024 của phòng GD&ĐT thị xã Quảng Yên về việc phân bổ kinh phí do nâng lương thường xuyên và nâng phụ cấp thâm niên nhà giáo đợt 3 năm 2024;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu phân bổ kinh phí để sửa chữa, khắc phục thiệt hại do bão số 3 (Yagi) gây ra; Phân bổ kinh phí do nâng lương thường xuyên và nâng phụ cấp thâm niên nhà giáo đợt 3 năm 2024 của Trường THCS Hà An (theo các biểu đính kèm).

- Thời gian niêm yết: 30 ngày kể từ ngày công bố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các bộ phận cơ quan đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3(t/h);
- Lưu :VT.



Nguyễn Thị Mai

Đơn vị: Trường THCS Hà An

Chương: 622

DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 370/QĐ-THCSHA ngày 31/12/2024 của trường THCS Hà An)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	
	Học phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
	Học phí	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	44,000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	44,000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	44,000
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	44,000
	- Phân bổ kinh phí để sửa chữa, khắc phục thiệt hại do bão số 3 (Yagi) gây ra	44,000

Người lập

Nguyễn Thị Thuý Yên

Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Mai

Số: 891/QĐ-PGDĐT

Quảng Yên, ngày 27 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ kinh phí để sửa chữa, khắc phục
thiệt hại do bão số 3 (Yagi) gây ra

BẢN SAO

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỊ XÃ QUẢNG YÊN

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân thị xã: Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 14686/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2024; phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách thị xã năm 2024 và một số biện pháp điều hành ngân sách thị xã năm 2024; Quyết định số 7012/QĐ-UBND ngày 11/11/2024 về việc phê duyệt điều chỉnh kinh phí chi thường xuyên của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã và khối các trường học công lập thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã quản lý năm 2024 (lần 2); Quyết định số 8414/QĐ-UBND ngày 25/12/2024 về việc phê duyệt bổ sung kinh phí cho các trường học công lập thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã quản lý để sửa chữa, khắc phục thiệt hại do bão số 3 (Yagi) gây ra;

Theo đề nghị của Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở về việc phân bổ kinh phí sửa chữa, khắc phục thiệt hại do bão số 3 (Yagi) gây ra.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ kinh phí để sửa chữa, khắc phục thiệt hại (cổng, tường rào, mái tôn, cửa, bảng biểu...) do bão số 3 (Yagi) gây ra số tiền: 2.316.000.000 đồng (Hai tỷ, ba trăm, mười sáu triệu đồng chẵn).

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn kinh phí không tự chủ.

Điều 2. Giao các trường học chịu trách nhiệm về đề xuất sửa chữa, tổ chức sử dụng kinh phí đúng mục đích đảm bảo hiệu quả và thực hiện thanh toán, quyết toán đảm bảo theo quy định hiện hành.

Điều 3. Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH, KBNN;
- Như Điều 3 (T/h);
- Lưu: VT, KT (02)/

Số chứng thực: 86..... Quyền số: 04..... -SCT/BS

Ngày: 10-01-2025

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thị Thúy



Bùi Quốc Huy



SỬA CHỮA, KHẮC PHỤC THIẾT HẠI DO BÃO SỐ 3 (YAGY) GÂY RA

(Kèm theo Quyết định số 891/QĐ-PGDĐT ngày 27/12/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã)

Stt	Tên đơn vị	Mã số quan hệ ngân sách	Chương	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn kinh phí	Kinh phí phân bổ
1	2	3	4	5	6	7
						2.316.000.000
I	Khối Mầm non					816.000.000
1	Trường Mầm non Cộng Hòa	1105749	622	071	12	44.000.000
2	Trường Mầm non Hà An	1105742	622	071	12	42.000.000
3	Trường Mầm non Hoàng Tân	1105733	622	071	12	44.000.000
4	Trường Mầm non Minh Thành	1105730	622	071	12	42.000.000
5	Trường Mầm non Liên Vị	1105736	622	071	12	42.000.000
6	Trường Mầm non Phong Cốc	1105745	622	071	12	44.000.000
7	Trường Mầm non Phong Hải	1105739	622	071	12	44.000.000
8	Trường Mầm non Tiền An	1105738	622	071	12	44.000.000
9	Trường Mầm non Yên Giang	1105732	622	071	12	42.000.000
10	Trường Mầm non Đông Mai	1105740	622	071	12	44.000.000
11	Trường Mầm non Cẩm La	1105743	622	071	12	42.000.000
12	Trường Mầm non Hiệp Hòa	1105735	622	071	12	42.000.000
13	Trường Mầm non Liên Hòa	1105746	622	071	12	44.000.000
14	Trường Mầm non Nam Hòa	1105741	622	071	12	42.000.000
15	Trường Mầm non Sông Khoai	1105731	622	071	12	42.000.000
16	Trường Mầm non Tân An	1105737	622	071	12	44.000.000
17	Trường Mầm non Tiền Phong	1105748	622	071	12	44.000.000
18	Trường Mầm non Yên Hải	1105747	622	071	12	42.000.000
19	Trường Mầm non Hoa Hồng	1105734	622	071	12	42.000.000
II	Khối Tiểu học					688.000.000
1	Trường Tiểu học Liên Vị	1026583	622	072	12	44.000.000
2	Trường Tiểu học Hà An	1026585	622	072	12	44.000.000
3	Trường Tiểu học Ngô Quyền	1025848	622	072	12	42.000.000
4	Trường Tiểu học Sông Khoai 1	1027579	622	072	12	44.000.000
5	Trường Tiểu học Liên Hòa	1026582	622	072	12	42.000.000
6	Trường Tiểu học Minh Thành	1025853	622	072	12	42.000.000
7	Trường Tiểu học Hiệp Hòa	1025852	622	072	12	44.000.000
8	Trường Tiểu học Nguyễn Bình	1025844	622	072	12	42.000.000
9	Trường Tiểu học Nam Hòa	1026586	622	072	12	44.000.000

Stt	Tên đơn vị	Mã số quan hệ ngân sách	Chương	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn kinh phí	Kinh phí phân bổ
10	Trường Tiểu học Yên Giang	1026580	622	072	12	42.000.000
11	Trường Tiểu học Tiền An	1025847	622	072	12	42.000.000
12	Trường Tiểu học Tân An	1025845	622	072	12	44.000.000
13	Trường Tiểu học Đông Mai	1026581	622	072	12	44.000.000
14	Trường Tiểu học Phong Hải	1025851	622	072	12	42.000.000
15	Trường Tiểu học Yên Hải	1026584	622	072	12	42.000.000
16	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Thuần	1026579	622	072	12	44.000.000
III	Khối Trung học cơ sở					600.000.000
1	Trường THCS Đông Mai	1027586	622	073	12	44.000.000
2	Trường THCS Trần Hưng Đạo	1027582	622	073	12	44.000.000
3	Trường THCS Tiền An	1025843	622	073	12	44.000.000
4	Trường THCS Phong Hải	1025838	622	073	12	42.000.000
5	Trường THCS Hà An	1027590	622	073	12	44.000.000
6	Trường THCS Nam Hòa	1027587	622	073	12	42.000.000
7	Trường THCS Lê Quý Đôn	1027583	622	073	12	42.000.000
8	Trường THCS Hiệp Hòa	1027584	622	073	12	42.000.000
9	Trường THCS Sông Khoai	1025841	622	073	12	42.000.000
10	Trường THCS Minh Thành	1027588	622	073	12	42.000.000
11	Trường THCS Liên Hòa	1027589	622	073	12	42.000.000
12	Trường THCS Liên Vị	1025839	622	073	12	44.000.000
13	Trường THCS Tân An	1027591	622	073	12	42.000.000
14	Trường THCS Yên Hải	1025842	622	073	12	44.000.000
IV	Khối Tiểu học và THCS					212.000.000
1	Trường TH&THCS Tiền Phong					
	<i>Trung học cơ sở</i>	1027578	622	073	12	42.000.000
2	Trường TH&THCS Cẩm La					
	<i>Tiểu học</i>	1130336	622	072	12	14.500.000
	<i>Trung học cơ sở</i>	1130336	622	073	12	27.500.000
3	Trường TH&THCS Sông Khoai					
	<i>Tiểu học</i>	1130337	622	072	12	44.000.000
4	Trường TH&THCS Hoàng Tân					
	<i>Trung học cơ sở</i>	1131212	622	073	12	42.000.000
5	Trường TH&THCS Phong Cốc					
	<i>Trung học cơ sở</i>	1133723	622	073	12	42.000.000

Số: 909/QĐ-PGDĐT

Quảng Yên, ngày 30 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phân bổ kinh phí do nâng lương thường xuyên và
nâng phụ cấp thâm niên nhà giáo đợt 3 năm 2024**

BẢN SAO

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỊ XÃ QUẢNG YÊN

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Quyết định số 14686/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Quảng Yên về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2024; phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công ngân sách thị xã năm 2024 và một số biện pháp điều hành ngân sách thị xã năm 2024;

Theo đề nghị của Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở về việc phân bổ kinh phí do nâng lương thường xuyên và nâng phụ cấp thâm niên nhà giáo đợt 3 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ kinh phí do nâng lương thường xuyên và nâng phụ cấp thâm niên nhà giáo đợt 3 năm 2024, số tiền: 375.430.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng chẵn).

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn kinh phí tự chủ.

Điều 2. Giao các trường học tổ chức sử dụng kinh phí đúng mục đích đảm bảo hiệu quả và thực hiện thanh toán, quyết toán đảm bảo theo quy định hiện hành.

Điều 3. Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Tiểu học và Trung học cơ sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH, KBNN; Số chứng thực: 85. Quyền số: 4. SCT/BS
- Như Điều 3 (T/h);
- Lưu: VT, KT (02)/.

Ngày: 10-01-2025

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

TRƯỞNG PHÒNG



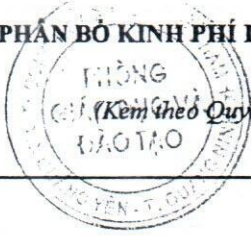
Nguyễn Thị Thúy



Bùi Quốc Huy

Phụ lục

PHÂN BỐ KINH PHÍ DO NÂNG LƯƠNG THƯỜNG XUYỀN VÀ NÂNG PHỤ CẤP THÂM NIÊN NHÀ GIÁO ĐỢT 3 NĂM 2024



(Kèm theo Quyết định số 909/QĐ-PGDĐT ngày 30/12/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã)

(Đơn vị tính: đồng)

Stt	Tên đơn vị	Mã số quan hệ ngân sách	Chương	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn kinh phí	Kinh phí phân bổ		
						Tổng	Trong đó	
							Nguồn NSNN cấp còn lại	Nguồn CCTL ngân sách thị xã
	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG CỘNG					375.430.000	315.120.000	60.310.000
I	Khối mầm non					71.550.000	59.240.000	12.310.000
1	Trường Mầm non Cộng Hòa	1105749	622	071	13	6.910.000	5.720.000	1.190.000
2	Trường Mầm non Hoàng Tân	1105733	622	071	13	3.650.000	3.020.000	630.000
3	Trường Mầm non Phong Hải	1105739	622	071	13	8.430.000	6.980.000	1.450.000
4	Trường Mầm non Yên Giang	1105732	622	071	13	2.350.000	1.950.000	400.000
5	Trường Mầm non Cẩm La	1105743	622	071	13	8.500.000	7.040.000	1.460.000
6	Trường Mầm non Hiệp Hòa	1105735	622	071	13	6.090.000	5.040.000	1.050.000
7	Trường Mầm non Liên Hòa	1105746	622	071	13	9.000.000	7.450.000	1.550.000
8	Trường Mầm non Nam Hòa	1105741	622	071	13	3.130.000	2.590.000	540.000
9	Trường Mầm non Sông Khoai	1105731	622	071	13	8.880.000	7.350.000	1.530.000
10	Trường Mầm non Tân An	1105737	622	071	13	9.030.000	7.480.000	1.550.000
11	Trường Mầm non Tiên Phong	1105748	622	071	13	2.510.000	2.080.000	430.000
12	Trường Mầm non Hoa Hồng	1105734	622	071	13	3.070.000	2.540.000	530.000
II	Khối tiểu học					138.320.000	114.870.000	23.450.000
1	Trường Tiểu học Liên Vị	1026583	622	072	13	5.800.000	4.800.000	1.000.000
2	Trường Tiểu học Hà An	1026585	622	072	13	7.440.000	6.160.000	1.280.000
3	Trường Tiểu học Ngô Quyền	1025848	622	072	13	22.550.000	18.690.000	3.860.000
4	Trường Tiểu học Sông Khoai 1	1027579	622	072	13	4.020.000	3.330.000	690.000
5	Trường Tiểu học Minh Thành	1025853	622	072	13	17.920.000	14.830.000	3.090.000
6	Trường Tiểu học Hiệp Hòa	1025852	622	072	13	15.010.000	12.440.000	2.570.000
7	Trường Tiểu học Nguyễn Bình	1025844	622	072	13	12.010.000	9.940.000	2.070.000
8	Trường Tiểu học Nam Hòa	1026586	622	072	13	5.110.000	4.230.000	880.000
9	Trường Tiểu học Yên Giang	1026580	622	072	13	300.000	250.000	50.000
10	Trường Tiểu học Tiên An	1025847	622	072	13	17.520.000	14.810.000	2.710.000
11	Trường Tiểu học Tân An	1025845	622	072	13	3.430.000	2.850.000	580.000
12	Trường Tiểu học Phong Hải	1025851	622	072	13	8.760.000	7.250.000	1.510.000
13	Trường Tiểu học Yên Hải	1026584	622	072	13	5.500.000	4.570.000	930.000
14	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Thuận	1026579	622	072	13	12.950.000	10.720.000	2.230.000
III	Khối Trung học cơ sở					112.920.000	96.140.000	16.780.000
1	Trường THCS Đông Mai	1027586	622	073	13	8.250.000	6.830.000	1.420.000
2	Trường THCS Trần Hưng Đạo	1027582	622	073	13	9.370.000	7.770.000	1.600.000
3	Trường THCS Tiên An	1025843	622	073	13	38.560.000	34.550.000	4.010.000
4	Trường THCS Cộng Hòa	1025849	622	073	13	8.190.000	6.770.000	1.420.000
5	Trường THCS Phong Hải	1025838	622	073	13	5.410.000	4.480.000	930.000

Stt	Tên đơn vị	Mã số quan hệ ngân sách	Chương	Mã ngành kinh tế	Mã nguồn kinh phí	Kinh phí phân bổ		
						Tổng	Trong đó	
							Nguồn NSNN cấp còn lại	Nguồn CCTL ngân sách thị xã
6	Trường THCS Hà An	1027590	622	073	13	1.630.000	1.350.000	280.000
7	Trường THCS Lê Quý Đôn	1027583	622	073	13	3.700.000	3.070.000	630.000
8	Trường THCS Hiệp Hòa	1027584	622	073	13	1.180.000	980.000	200.000
9	Trường THCS Minh Thành	1027588	622	073	13	13.830.000	11.450.000	2.380.000
10	Trường THCS Liên Hòa	1027589	622	073	13	14.240.000	11.800.000	2.440.000
11	Trường THCS Liên Vị	1025839	622	073	13	4.840.000	4.010.000	830.000
12	Trường THCS Yên Hải	1025842	622	073	13	3.720.000	3.080.000	640.000
IV	Khối Tiểu học và Trung học cơ sở					52.640.000	44.870.000	7.770.000
1	Trường TH&THCS Cẩm La							
	Tiểu học	1130336	622	072	13	2.040.000	1.690.000	350.000
	Trung học cơ sở	1130336	622	073	13	2.690.000	2.240.000	450.000
2	Trường TH&THCS Sông Khoai							
	Tiểu học	1130337	622	072	13	1.180.000	980.000	200.000
	Trung học cơ sở	1130337	622	073	13	400.000	330.000	70.000
3	Trường TH&THCS Hoàng Tân							
	Tiểu học	1131212	622	072	13	9.190.000	7.610.000	1.580.000
	Trung học cơ sở	1131212	622	073	13	20.780.000	18.470.000	2.310.000
4	Trường TH&THCS Phong Cốc							
	Tiểu học	1133723	622	072	13	11.050.000	9.150.000	1.900.000
	Trung học cơ sở	1133723	622	073	13	5.310.000	4.400.000	910.000